



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ Năm 2019

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận ĐKKD ngày đầu thành lập số 0103015480 ngày 15/01/2007. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều chỉnh gần nhất vào ngày 28/11/2018 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 0102141313
- Vốn điều lệ: **155.000.000.000, VNĐ**
- Địa chỉ: **Xã Bản Liền – Huyện Bắc Hà – Tỉnh Lào Cai**
- Số điện thoại: **0203780702** Số fax: **0203780702**
- Mã cổ phiếu : **EBA**

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển

##### a) Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm 2007 Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Nà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103015480 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2007 với vốn điều lệ đăng ký là 45 tỷ đồng. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng. Đến năm 2008, các cổ đông sáng lập đã góp đủ 45 tỷ đồng vốn điều lệ đăng ký.

Năm 2009 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/05/2009 với vốn điều lệ đăng ký là 110 tỷ đồng. Công ty được cấp phép đầu tư Dự án Thủy điện Bắc Nà theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000144 do UBND tỉnh Lào Cai cấp ngày 18/06/2009.

Năm 2011 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư toàn cầu DATC theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102141313 (mã số cấp lại) do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 3 ngày 20/05/2011.

Năm 2015 Công ty hoàn thành phát hành tăng vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng. Công ty thay đổi địa điểm trụ sở chính lên tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102141313 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 8 ngày 16/09/2015.

Năm 2016 Công ty phát hành tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy ĐKKD số 0102141313 thay đổi lần 9 ngày 08/07/2016.

Năm 2017 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Điện Bắc Nà theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102141313 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 18/04/2017.

Năm 2018 Công ty phát hành tăng vốn điều lệ lên 155 tỷ đồng. Công ty được cấp phép đầu tư dự án thủy điện thứ 2 là Dự án Thủy điện Bắc Nà 1 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1326/QĐ-UBND ngày 07/05/2018 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp.

Trong năm 2019, trên cơ sở nhu cầu chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông, Công ty đã chính thức có trên 100 cổ đông và đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán. Theo đó, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký và được Ủy ban Chứng khoán Nhà





nước cấp Công văn chấp thuận đại chúng số 4904/UBCK-GSDC ngày 13/08/2019. Đến ngày 11/09/2019, Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) với mã chứng khoán là EBA và được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 41/2019/GCNCP-VSD, số lượng chứng khoán đăng ký là 15.500.000 cổ phiếu.

b) **Thời điểm niêm yết** : Niêm yết ngày 31/12/2019 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **a) Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở, thủy điện, thủy lợi, giao thông. Công trình điện trung, hạ áp và trạm biến thế đến 35KV.
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng
- Đại lý mua, bán ký gửi hàng hóa
- Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch

#### **b) Địa bàn kinh doanh:**

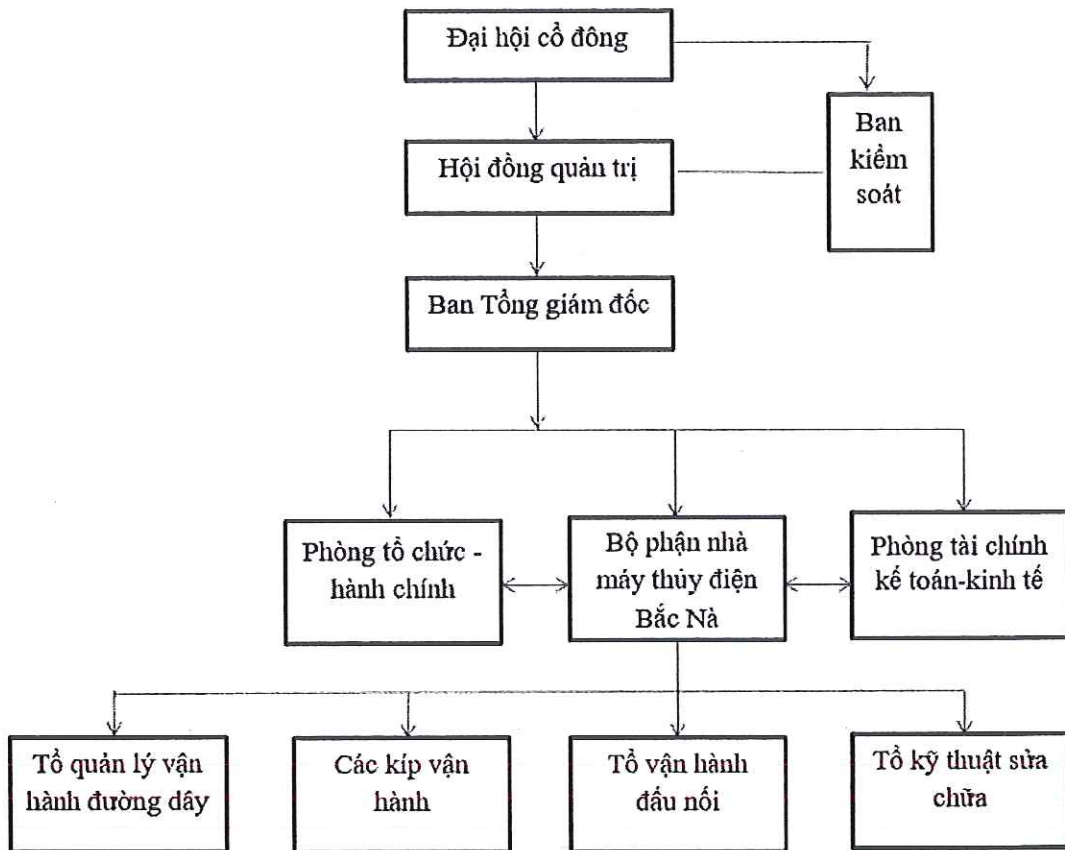
- Khu vực phía bắc: Thôn Nậm Thảng xã Bản liên Huyện Bắc Hà Tỉnh Lào Cai.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- #### **a) Mô hình quản trị:** Công ty thực hiện việc quản trị theo đúng phân cấp được qui định trong điều lệ và các qui chế quản lý của Công ty đã ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp, văn bản pháp luật hiện hành đối với Công ty niêm yết và thực tế của đơn vị trên nguyên tắc các bộ phận thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, thống nhất và tuân thủ qui trình quản lý, cá nhân chịu trách nhiệm vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.
- Đại hội cổ đông: Bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đã được ban hành
  - Hội đồng quản trị: Thực hiện chức năng quản lý toàn bộ hoạt động SXKD, đầu tư và định hướng của Công ty. Hàng năm hội đồng quản trị chỉ đạo ban giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch, biện pháp triển khai nhiệm vụ SXKD và đầu tư để đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết của đại hội cổ đông đã được thông hàng năm, HĐQT ra các quyết định kịp thời chỉ đạo ban giám đốc tổ chức triển khai theo đúng kế hoạch, đảm bảo được các mục tiêu đề ra
  - Ban kiểm soát : Thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty và công tác quản lý của Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
  - Ban giám đốc: Đứng đầu là Tổng Giám đốc Công ty, điều hành và tổ chức hoạt động SXKD hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kiên nghị bộ máy tổ chức quản lý, ký kết các hợp đồng, công bố thông tin theo qui định phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
  - Các phòng chức năng: Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định pháp luật



b) Cơ cấu bộ máy quản lý:



5. Định hướng phát triển :

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm tiếp theo:

Công ty cổ phần Điện Bắc Hà được thành lập nhằm mục đích đầu tư, quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Bắc Hà. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh mua bán điện. Căn cứ quy định pháp luật hiện nay, Nhà nước độc quyền trong lĩnh vực truyền tải và phân phối điện. Do đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất của nhà máy được Công ty xuất bán cho Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc theo Hợp đồng số 158/EVNNPC-B9 ngày 26/10/2015 (Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Bắc Hà) và Hợp đồng số 231/EVNNPC-KD ngày 15/05/2019 (Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Bắc Hà 1).

b) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Vì mục tiêu phát triển bền vững phù hợp với yêu cầu chung của toàn xã hội, Công ty cam kết hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội và bảo vệ cộng đồng, đảm bảo rằng những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng, tôn trọng các cam kết với đối tác trong việc tuân thủ hành động để bảo tồn và phát triển cộng đồng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Những khó khăn ảnh hưởng đến kết quả thực hiện mục tiêu năm 2019:
  - Do tình hình chung biến đổi khí hậu lượng mưa ít dẫn đến doanh thu phát điện tại Công ty cổ phần điện Bắc Hà suy giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Hội đồng quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa ra giải pháp thích hợp trong quá trình quản lý điều hành, tiết kiệm chi phí,... đã hoàn thành được mục tiêu lợi nhuận đề ra

**b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2019:**

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Tổng hợp		
			KH 2019	TH 2019	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán điện	10 <sup>6</sup> đ	69.485	55.168	79%
2	Doanh thu khác	10 <sup>6</sup> đ	6.711	8.528	127%
3	Chi phí	10 <sup>6</sup> đ	57.151	58.051	102%
4	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đ	19.045	5.645	30%
5	Cổ tức dự kiến	10 <sup>6</sup> đ	12%	6 %	50%

- Doanh thu thực hiện đạt 55,168/69,485 tỷ đồng tương ứng 79% kế hoạch và cũng không hoàn thành kế hoạch với nguyên nhân chủ yếu do tình hình chung biến đổi khí hậu lượng mưa ít dẫn đến doanh thu phát điện tại Công ty cổ phần điện Bắc Nà suy giảm so với cùng kỳ năm trước.
- Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019: Do lợi nhuận đạt 30% kế hoạch nên HĐQT đề nghị mức chia cổ tức năm 2019 là 6%

**2. Tổ chức và nhân sự**

**a) Danh sách Ban điều hành:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT	1962	Kỹ sư XD ngầm	0,19%
2	Lê Văn Khánh	Tổng giám đốc	1980	Kỹ sư điện	0,35%
3	Nguyễn Đình Nghĩa	Kế toán trưởng	1974	Cử nhân TC-KT	

**b) Số lượng cán bộ, nhân viên:**

STT	Nội dung	Tổng số CBCNV			Ghi chú
		Gián tiếp	LĐ trực tiếp	Tổng cộng	
1	Cơ quan Công ty	03	17	20	

- Chính sách đối với người lao động:
  - Đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ: Tiền lương được trả hàng tháng cho từng vị trí, cấp bậc, loại nhân viên, phục vụ dựa trên mức độ cống hiến, hiệu quả, mức độ hoàn thành công việc và tổng quỹ lương khoán theo qui mô
  - Đối với lao động trực tiếp: Công ty trả lương cho CBCNV theo qui chế trả lương khoán do Hội đồng quản trị công ty phê duyệt trên cơ sở sản phẩm hoàn thành.
  - Gắn trách nhiệm trong việc tạo ra sản phẩm, ổn định việc làm cho người lao động. Nâng cao năng suất lao động, ý thức trách nhiệm tiết kiệm chi phí, hiệu quả trong công việc hướng tới chọn lựa các đối tượng thực sự có năng lực có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc cho từng vị trí và đào thải những đối tượng không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn trong dây chuyền SX, thu hút và khuyến khích người lao động không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty
  - Công ty luôn đặc biệt chăm lo đến điều kiện làm việc, giải quyết chính sách chế độ một cách kịp thời, minh bạch cho CBCNV là nhân tố cơ bản cho sự gắn bó và tăng năng suất lao động



### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a) Các khoản đầu tư năm 2019:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Tại Công ty		
			KH	T.hiện	Tỷ lệ
1	Đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Bắc Nà 1	10 <sup>6</sup> đ	59.918	59.918	100%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>59.918</b>	<b>59.918</b>	<b>100%</b>

#### ✓ Dự án TĐ Bắc Nà 1 thuộc Công ty cổ phần điện Bắc Nà:

- Đã được sở TNMT tỉnh Lào cai phê duyệt đánh giá tác động môi trường (DTM) và đã được Sở công thương thẩm định, phê duyệt thiết kế cơ sở
- Đã hoàn thành việc đền bù và UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt bản đồ điều chỉnh quy hoạch xây dựng 1/1.500
- Đã hoàn thành việc giao đất và cấp sổ đỏ
- Dự án do Sông Đà 505 thực hiện xây dựng theo hình thức Hợp đồng EPC
- Đã thực hiện việc ký Hợp đồng tín dụng với ngân hàng BIDV Thanh Xuân tài trợ cho DA và bắt đầu giải ngân từ cuối Q3/2019
- DA đã cơ bản đảm bảo đầy đủ các pháp lý và đang triển khai xây dựng các HM chính dự kiến hoàn thành và phát điện vào tháng 03/2020.

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm
1	Tổng tài sản	10 <sup>3</sup> đ	445.793.073	474.742.178	106,5%
2	Doanh thu thuần	10 <sup>3</sup> đ	79.658.359	61.958.260	77,2%
3	LN từ hoạt động KD	10 <sup>3</sup> đ	22.458.756	7.931.921	31,8%
4	Lợi nhuận khác	10 <sup>3</sup> đ		(2.286.164)	
5	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>3</sup> đ	22.458.756	5.645.757	22,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>3</sup> đ	22.458.756	5.645.757	22,7%
7	Tỷ lệ LN trả cổ tức	%	12%	6%	50%

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	91%	95%	
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	9%	5%	
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	59%	64%	
-	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	41%	36%	
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
-	Khả năng thanh toán nhanh	0.9	0.4	
-	Khả năng thanh toán hiện hành	0.9	0.4	
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về hệ số sinh lời</b>			
-	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	28.2%	9.1%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	12.4%	3.3%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5%	1.2%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a) Cổ phần:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tổng số cổ phần được phép phát hành</b>	<b>15.500.000</b>	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	15.500.000	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
<b>2</b>	<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>		
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do		
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
<b>3</b>	<b>Số lượng cổ phần đang lưu hành</b>	<b>15.500.000</b>	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	15.500.000	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	

### b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Loại cổ đông	Tổ chức		Cá nhân		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	11.945.974	77,07%	3.554.026	22,93%	15.500.000	100%
-	Cổ đông nhà nước						
-	Cổ đông lớn	11.945.974	77,07%	939.472	6,06%	12.885.446	83,13%
-	Cổ đông khác			2.614.554	16,87%	2.614.554	16,87%
-	Cổ phiếu quỹ						
2	Cổ đông nước ngoài						
-	Cổ đông lớn						
-	Cổ đông khác						
	<b>Cộng</b>	<b>11.945.974</b>	<b>77,07%</b>	<b>3.554.026</b>	<b>22,93%</b>	<b>15.500.000</b>	<b>100%</b>

=> Nguồn dữ liệu lấy theo danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp chốt tại ngày 21/02/2020

### c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

8 Các chứng khoán khác: Không phát sinh

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Nhìn tổng quan trong năm qua phát sinh nhiều khó khăn nguyên nhân chủ yếu do tình hình chung biến đổi khí hậu lượng mưa ít dẫn đến doanh thu phát điện tại Công ty cổ phần điện Bắc Nà suy giảm so với cùng kỳ năm trước. Hội đồng quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa ra giải pháp thích hợp trong quá trình quản lý điều hành, tiết kiệm chi phí đã hoàn thành được mục tiêu lợi nhuận đề ra.

• Một số điểm đạt được trong năm:

- Mục tiêu đầu tư dự án thủy điện Bắc Nà 1 đảm bảo được tiến độ hạng mục các công trình do thi công đều thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn quy phạm quy định, chưa có hạng mục nào phải phá đi làm lại, không để xảy ra các rủi ro tồn thất đáng kể nào
- Công tác thu hồi vốn đạt kế hoạch đã đảm bảo duy trì được nguồn vốn trong tổ chức SXKD, giảm cơ bản số dư nợ vay và chi phí tài chính so với năm trước



- Mức lợi nhuận vượt kế hoạch đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn và duy trì lợi ích của các cổ đông

## 2. Tình hình tài chính

a) **Tình hình tài sản** : Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 tương đương với cùng kỳ năm trước tương ứng : 474/445 tỷ, xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Tổng các khoản phải thu ngắn hạn giảm 17,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Đã thu hồi số tiền ứng trước cho nhà thầu đang thi công dự án Thủy điện Bắc Nà 1.
- Tài sản ngắn hạn khác tăng 1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do khoản thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ giảm
- Tài sản cố định: Giá trị tài cố định giảm : 18 tỷ tiền khấu hao so với cùng kỳ năm trước
- Tài sản dở dang dài hạn tăng 64 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do trong năm Công ty đầu tư DA thủy điện Bắc Nà 1

b) **Tình hình nợ phải trả**: Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là: 305 tỷ đồng; tăng : 41 tỷ đồng. Các khoản nợ trên đều có đầy đủ hồ sơ và đối chiếu nên không phát sinh khoản nợ xấu. Cụ thể như sau:

- Số dư nợ vay và nợ ngắn hạn : Tăng 18 tỷ đồng được vay tại ngân hàng Vitein DAKLAK và huy động của CBCNV để phục vụ nhu cầu SXKD. Công ty đảm bảo đủ nguồn để thực hiện chi trả đúng hạn
- Công nợ phải trả : 1.1 tỷ là khoản lãi vay dự chi đến 31/12/2019 .
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 0.2 tỷ đồng chủ yếu là thuế tài nguyên nước tháng 12/2019, Công ty đã thực hiện chi trả vào ngày 20/01/2020.
- Khoản phải trả người lao động : 0.5 tỷ chủ yếu là tiền lương tháng 12/2019, tiền phép chưa chi trả trong năm 2019. Công ty đã hoàn thành việc chi trả trước 31/03/2020 theo qui định
- Khoản chi phí vay dài hạn : Tăng 49.6 tỷ đồng là khoản vay Ngân hàng BIDV CN Thanh Xuân đầu tư dự án thủy điện Bắc Nà 1.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Về cơ cấu tổ chức : Mục tiêu của Công ty là thu gọn cấp quản lý trung gian nhằm giảm thiểu chi phí trung gian, bố trí lại một số lực lượng cán bộ quản lý phù hợp với qui mô hiện tại kiên quyết tinh giảm lực lượng chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc
- Chính sách quản lý: Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình; thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quản lý đảm bảo nguyên tắc minh bạch trong toàn Công ty; Xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành và tình hình thực tế của Công ty; cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để Ban lãnh đạo chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

- Cơ cấu lại ngành nghề : Tiếp tục duy trì ngành nghề đầu tư xây dựng và vận hành các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : Chấp thuận với ý kiến và số liệu kiểm toán, cam kết về tính minh bạch về các số liệu báo cáo và các tài liệu cung cấp cho đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty

- Ngay đầu năm Hội đồng quản trị họp bàn cùng với ban giám đốc nhằm phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2020 trình Đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết đã được đại hội cổ đông thông qua năm 2019, HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo chuyên môn thường xuyên kiểm tra thực tế chỉ đạo ban giám đốc bám sát nghị quyết để tổ chức triển khai.
- Định kỳ hàng quý HĐQT tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện trong quý đồng thời thống nhất các giải pháp trong kỳ tiếp theo và đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời. Cùng xem



xét thống nhất các nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp từng thời điểm để Ban giám đốc điều hành thực hiện các mục tiêu trong quản lý SXKD và đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ tập trung 02 lần và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản xem xét một số đề xuất do Tổng Giám đốc trình, thống nhất thông qua 10 nghị quyết kèm theo các quyết định cụ thể tương ứng với các nội dung trong nghị quyết đã được trình bày trong báo cáo quản trị năm 2019 công bố thông tin theo qui định

- Trong quản lý các hợp đồng xây lắp: HĐQT luôn chỉ đạo Ban giám đốc bám sát các điều khoản cam kết giữa nhà thầu với chủ đầu tư, cùng xem xét thực tế để đưa ra giải pháp thi công tối ưu đồng thời kiểm soát chặt chẽ biện pháp, khối lượng trong thi công và các pháp lý cần thiết trong quá trình thực hiện hợp đồng đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro và thu hồi vốn kịp thời
- Trong quản lý nội bộ: Trên cơ sở các chỉ tiêu chung toàn Công ty đã được HĐQT phê duyệt, trên nguyên tắc nhằm đảm bảo mục tiêu lợi nhuận và tuân thủ các qui định của Nhà nước, qui chế Công ty.
- Về quản lý các khoản đầu tư: Trong năm 2019 Công ty thực hiện việc đầu tư vào dự án TĐ Bắc Nà 1 thuộc Công ty CP điện Bắc Nà

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc Công ty luôn bám sát nghị các mục tiêu SXKD đã đề ra, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm qui định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, luôn cân đối sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, chặt chẽ trong quản lý nội bộ, tuân thủ các qui chế nội bộ và các qui định của pháp luật.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính năm 2020 trên nguyên tắc thận trọng, khả thi để trình Đại hội cổ đông thông qua. Trong đó đặt trọng tâm việc giám sát chặt chẽ tiến độ triển khai công tác đầu tư, xây dựng dự án thủy điện Bắc Nà 1
- Duy trì thường xuyên chế độ làm việc theo qui chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở bám sát nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát quá trình tổ chức SXKD và đầu tư để có những chỉ đạo kịp thời trong từng giai đoạn và chỉ đạo tổ chức tiếp cận, đấu thầu và tìm kiếm công việc gói đầu nhằm nhằm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2019 đề ra.
- Duy trì hệ thống cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để HĐQT chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác thanh kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc và minh bạch

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch	1962	Kỹ sư XD ngầm	0,19%
2	Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	1957	Kỹ sư cơ khí	4,9%
3	Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	1973	Tiến sỹ	

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không có tiểu ban thuộc HĐQT

#### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:



- Các cuộc họp của HĐQT năm 2019:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Đặng Quang Đạt	CT HĐQT	Đầy đủ	100	
2	Nguyễn Ngọc Bình	TV HĐQT	Đầy đủ	100	
3	Nguyễn Văn Sơn	TV HĐQT	Đầy đủ	100	

- Các nghị quyết được thông qua của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	05/NQ-HĐQT	25/01/2019	Vv Thông qua phân cấp quản lý điều hành Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
2	14/NQ-HĐQT	10/03/2019	Vv Thông qua nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
3	20/NQ-HĐQT	11/03/2019	Vv Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức năm 2018.
4	33/NQ-HĐQT	15/03/2019	Vv Thông qua Bổ nhiệm Chức Vụ : Tổng Giám đốc Công ty
5	56/NQ-HĐQT	17/03/2019	Vv Thông qua ủy quyền cho chủ tịch HĐQT ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại ngân hàng BIDV CN Thanh Xuân.
6	76/NQ-HĐQT	30/07/2019	Vv Thông qua KQSXKD 6 Tháng đầu năm 2019, vay vốn huy động của CBCNV để trả cổ tức năm 2018.
7	78/NQ-HĐQT	09/08/2019	Vv Thông qua giao dịch vay vốn của CBCNV với Công ty để trả cổ tức năm 2018.
8	80/NQ-HĐQT	14/09/2019	Vv Thông qua phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật dự án thủy điện Bắc Nà 1.
9	109/NQ-HĐQT	26/11/2019	Vv Thông qua chọn đơn vị kiểm toán AAC làm báo cáo tài chính năm 2019, thành lập hội đồng nghiệm thu đưa vào sử dụng dự án thủy điện Bắc Nà 1.



10	122/NQ-HĐQT	24/12/2019	Vv Thông qua ngày giao dịch đầu tiên là ngày 31 tháng 12 năm 2019 và mức giá tham chiếu cho phiên giao dịch đầu tiên của mã CK EBA là 16.000 đồng
----	-------------	------------	---

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.**

Công ty có 02 thành viên HĐQT không tham gia điều hành thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phù hợp với chuyên môn và qui chế hoạt động của HĐQT, bên cạnh đó thành viên này thực hiện chức năng vai trò độc lập đại diện cho quyền và lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện ý kiến trong các cuộc họp HĐQT

**e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có tiểu ban

**f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Chứng chỉ đào tạo	Năm cấp chứng chỉ
1	Đặng Quang Đạt	Thành viên	1962		2006

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Vũ Sơn Thủy	Trưởng ban	1977	Cử nhân TC-KT	0,14%
2	Nguyễn Đình Phương	Thành viên	1962	Kỹ sư thủy lợi	0,06%
3	Ninh Thị Luân	Thành viên	1963	Cử nhân kinh tế	

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp, ngay đầu năm 2019 Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch làm việc trong năm và phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn của từng thành viên để phối hợp kiểm tra, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong các quyết định đầu tư, quản lý, điều hành SXKD đảm bảo minh bạch, khách quan, tuân thủ các qui định của pháp luật và qui định của công ty; định kỳ thăm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của công ty,... Trong năm qua, do các thành viên Ban kiểm soát đa phần đều kiêm nhiệm nên công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa được thường xuyên dẫn đến công tác trao đổi thông tin, phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát Công ty với các cổ đông chưa tốt. Tuy nhiên trên cơ sở các tài liệu do ban lãnh đạo Công ty cung cấp theo yêu cầu và quá trình thẩm định các tài liệu báo cáo, ban kiểm soát cùng thống nhất đưa ra ý kiến đánh giá như sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực.
- HĐQT, Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 để điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả, có lãi, đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông như dự kiến
- Các khoản mục đầu tư của Công ty tại dự án thủy điện Bắc Nà 1 đã đi vào hoạt động ổn định và đảm bảo hiệu quả
- Báo cáo tài chính năm 2019 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính được Công ty lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.



- Việc lập và luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; sổ sách kế toán được lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản đầy đủ, kịp thời và theo đúng quy định về bầu biểu của chế độ kế toán hiện hành.
- Công tác báo cáo, công bố thông tin tài chính định kỳ được thực hiện theo đúng quy định
- Tính đến 31/12/2019 các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2019 tiếp tục được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019
- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, chỉ tiêu hoạt động, chỉ tiêu hiệu quả tại 31/12/2019 cho thấy Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, vòng quay vốn hợp lý, hiệu quả hoạt động khá tốt
- Báo cáo của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 10 Nghị quyết phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các nghị quyết Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, được các thành viên nhất trí cao, đồng thời được Ban điều hành tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời và có hiệu quả.
- Hội đồng quản trị đã bám sát và tích cực chỉ đạo Ban GD điều hành để triển khai thực hiện các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đã đề ra. Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị đều tổ chức họp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đề ra kế hoạch cho quý tiếp theo.

### 3. Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT kiêm GD	261.243.253	132.000.000	20.000.000	413.243.253
2	Nguyễn Ngọc Bình	TV HĐQT		120.000.000	20.000.000	140.000.000
3	Nguyễn Văn Sơn	TV HĐQT				
4	Nguyễn Đình Nghĩa	Thư ký HĐQT kiêm Kế toán trưởng	318.438.811	36.000.000	10.000.000	364.438.811
5	Vũ Sơn Thủy	Trưởng ban KS		72.000.000	10.000.000	82.000.000
6	Nguyễn Đình Phương	Ban kiểm soát		48.000.000	5.000.000	53.000.000
7	Ninh Thị Luân	Ban kiểm soát		48.000.000	5.000.000	53.000.000
8	Lê Văn Khánh	Tổng Giám đốc	366.685.697		10.000.000	376.685.697
	<b>Tổng cộng</b>		<b>946.367.761</b>	<b>456.000.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>1.482.367.761</b>

Trên đây là thu nhập tiền lương, tiền thù lao thuộc trách nhiệm của Công ty chi trả, đã bao gồm phần thu nhập tham gia điều hành



**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không phát sinh hợp đồng giao dịch

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Việc xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế chưa được điều chỉnh kịp thời với các văn bản pháp luật Nhà nước hiện hành. Đơn vị sẽ hoàn thành việc xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý Công ty phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành của pháp luật Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty nhằm vận hành có hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành SXKD

**VI. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019**

1. **Ý kiến kiểm toán :** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

**2.1 Bảng cân đối kế toán**

10  
CỔ  
CỔ  
MỘ  
BẮC



<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>01/01/2019 VND</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>25.193.113.506</b>	<b>41.861.669.551</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>138.797.158</b>	<b>560.784.751</b>
1. Tiền	111	5	138.797.158	560.784.751
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.500.000.000</b>	<b>17.300.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	17.500.000.000	17.300.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.311.117.136</b>	<b>23.771.426.228</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.750.790.625	6.819.848.253
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	167.000.000	15.901.294.418
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	393.326.511	1.050.283.557
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.243.199.212</b>	<b>229.458.572</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	85.220.267	229.458.572
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.157.978.945	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>449.549.064.959</b>	<b>403.931.403.520</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>368.249.202.327</b>	<b>386.672.110.563</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	368.249.202.327	386.672.110.563
- Nguyên giá	222	11	423.687.005.513	423.687.005.513
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	11	(55.437.803.186)	(37.014.894.950)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>68.881.497.349</b>	<b>4.840.927.674</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	68.881.497.349	4.840.927.674
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.418.365.283</b>	<b>12.418.365.283</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	12.418.365.283	12.418.365.283
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>474.742.178.465</b>	<b>445.793.073.071</b>



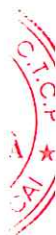
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>305.971.546.838</b>	<b>264.068.198.727</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>64.460.436.860</b>	<b>47.158.088.749</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.475.959.177	2.319.091.576
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	257.881.737	745.808.185
3. Phải trả người lao động	314		518.009.435	924.628.792
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.113.792.353	475.167.688
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	234.794.158	1.688.392.508
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.a	57.315.000.000	39.300.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.545.000.000	1.705.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>241.511.109.978</b>	<b>216.910.109.978</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.b	241.511.109.978	216.910.109.978
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>168.770.631.627</b>	<b>181.724.874.344</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>168.770.631.627</b>	<b>181.724.874.344</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	155.000.000.000	155.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.000.000.000	155.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.266.117.962	4.266.117.962
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	9.504.513.665	22.458.756.382
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.858.756.382	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.645.757.283	22.458.756.382
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>474.742.178.465</b>	<b>445.793.073.071</b>

17/12/2019  
 TỶ  
 AN  
 CT  
 LAC



## 2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	61.958.260.812	79.658.359.230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		61.958.260.812	79.658.359.230
4. Giá vốn hàng bán	11	20	28.861.005.720	29.943.489.601
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>33.097.255.092</u>	<u>49.714.869.629</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.740.890.465	504.455.903
7. Chi phí tài chính	22	22	24.377.303.547	25.879.320.068
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.377.303.547	25.879.320.068
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	2.528.920.266	1.881.249.082
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>7.931.921.744</u>	<u>22.458.756.382</u>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	24	2.286.164.461	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(2.286.164.461)</u>	<u>-</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>5.645.757.283</u>	<u>22.458.756.382</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>5.645.757.283</u>	<u>22.458.756.382</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	364	1.584
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	364	1.584



## 2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.645.757.283	22.458.756.382
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11	18.422.908.236	18.422.908.244
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	21	(1.740.890.465)	(504.455.903)
- Chi phí lãi vay	06	22	24.377.303.547	25.879.320.068
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		46.705.078.601	66.256.528.791
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.773.783.024	(14.993.457.246)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.676.680.731)	(10.813.962.241)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		144.238.305	(89.962.865)
- Tiền lãi vay đã trả	14	15,22	(23.738.678.882)	(25.920.649.205)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(160.000.000)	(295.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>21.047.740.317</b>	<b>14.143.497.234</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(47.025.165.498)	(3.173.899.164)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(17.500.000.000)	(1.200.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	17.300.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,21	1.739.437.588	481.959.464
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(45.485.727.910)</b>	<b>(3.891.939.700)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	20.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	17	144.816.000.000	86.330.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(102.200.000.000)	(102.930.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18.d	(18.600.000.000)	(13.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>24.016.000.000</b>	<b>(10.100.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(421.987.593)</b>	<b>151.557.534</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		560.784.751	409.227.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		<b>138.797.158</b>	<b>560.784.751</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính Công ty xem tại báo cáo kiểm toán đã công bố


  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**ĐẶNG QUANG ĐẠT**